

Chương XI

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

I- Sự cần thiết khách quan phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam

1. Sự tồn tại khách quan và lợi ích của việc phát triển kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường

Kinh tế thị trường là mô hình kinh tế mà ở đó các quan hệ kinh tế đều được thực hiện trên thị trường, thông qua quá trình trao đổi mua bán. Quan hệ hàng hóa - tiền tệ phát triển đến một trình độ nhất định sẽ đạt đến kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường là giai đoạn phát triển của kinh tế hàng hóa dựa trên cơ sở phát triển của lực lượng sản xuất. Trong những điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau, sự phát triển của kinh tế hàng hóa, tất nhiên, chịu sự tác động của những quan hệ xã hội nhất định hình thành nên các chế độ kinh tế - xã hội khác nhau. Vì vậy, không thể nói kinh tế hàng hóa là sản phẩm của một chế độ kinh tế - xã hội nào mà phải hiểu rằng nó là một sản phẩm của quá trình phát triển của lực lượng sản xuất xã hội loài người, nó xuất hiện và tồn tại trong nhiều phương thức sản xuất xã hội và đến trình độ cao hơn đó là kinh tế thị trường.

ở Việt Nam, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, những điều kiện chung để kinh tế hàng hóa xuất hiện vẫn còn tồn tại. Do đó, sự tồn tại kinh tế hàng hóa ở nước ta là một tất yếu khách quan. Những điều kiện chung để kinh tế hàng hóa xuất hiện và tồn tại là:

- Phân công lao động xã hội là cơ sở tất yếu của nền sản xuất hàng hóa vẫn tồn tại và ngày càng phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu ở nước ta hiện nay. Sự phát triển của phân công lao động xã hội thể hiện ở chỗ các ngành nghề ở nước ta ngày càng đa dạng, phong phú, chuyên môn hóa sâu. Điều đó, đã góp phần phá vỡ tính chất tự cung tự cấp của nền kinh tế tự nhiên trước đây và thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển mạnh mẽ hơn.

Hơn nữa, phân công lao động xã hội là cơ sở để nâng cao năng suất lao động xã hội, nghĩa là làm cho nền kinh tế ngày càng có nhiều sản phẩm đem ra trao đổi, mua bán. Do đó, làm cho trao đổi, mua bán hàng hóa trên thị trường càng phát triển hơn.

- Sự tồn tại và phát triển của nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế khác nhau tạo nên sự tách biệt kinh tế giữa các chủ thể kinh tế độc lập cũng là điều kiện tất yếu cho sự tồn tại và phát triển kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường ở nước ta. Thật vậy, một khi còn tồn tại nhiều dạng sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất và về sản phẩm lao động sẽ tạo nên sự độc lập về kinh tế của những ngành chủ sở hữu khác nhau đó. Do đó, các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế khi cần sản phẩm của nhau tất yếu phải thông qua con đường thoả thuận, trao đổi, mua bán.

Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định mô hình nền kinh tế ở nước ta trong thời kỳ quá độ là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (gọi tắt là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa). Sự lựa chọn đó là xuất phát từ những lợi ích của việc phát triển kinh tế - xã hội đem lại cho nước ta. Phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta có lợi là:

- Nước ta trong thời kỳ quá độ muốn phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất thì phải xã hội hóa, chuyên môn hóa lao động. Quá trình ấy chỉ có thể diễn ra một cách thuận lợi trong một nền kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường. Sản xuất càng xã hội hóa, chuyên môn hóa thì càng đòi hỏi phát triển sự hiệp tác và trao đổi hoạt động kinh tế trong xã hội, càng phải thông qua sự trao đổi hàng hóa giữa các đơn vị sản xuất để đảm bảo những nhu cầu cần thiết của các loại hoạt động sản xuất khác nhau.

- Chỉ có phát triển kinh tế thị trường mới làm cho nền kinh tế nước ta phát triển năng động. Trong cơ chế kinh tế cũ, vì coi thường quy luật giá trị, cạnh tranh, cung cầu nên các cơ sở kinh tế cũng thiếu sức sống và động lực để phát triển sản xuất. Sử dụng kinh tế thị trường là sử dụng quy luật giá trị, cạnh tranh, cung cầu, buộc mỗi người sản xuất tự chịu trách nhiệm về hàng hóa do mình làm ra. Chính vì thế mà nền kinh tế trở nên sống động. Mỗi người sản xuất đều chịu sức ép buộc phải quan tâm tới sự tiêu thụ trên thị trường, sao cho sản phẩm của mình được xã hội thừa nhận và cũng từ đó họ mới có được thu nhập.

- Phát triển nền kinh tế thị trường là phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội, cũng có nghĩa là sản phẩm xã hội ngày càng phong phú, đáp ứng nhu cầu đa dạng của mọi người. ở nông thôn nước ta, sự phát triển kinh tế thị trường và việc tăng tỷ lệ hàng hóa nông sản đã làm cho hàng hóa bán ra của nông dân nhiều lên, thu nhập tăng lên, đồng thời các ngành nghề ở nông thôn cũng ngày một phát triển, tạo ra cho nông dân nhiều việc làm. Đó cũng là điều đã diễn ra ở thành phố, đối với những người lao động thành thị.

- Phát triển kinh tế thị trường đòi hỏi phải đào tạo ngày càng nhiều cán bộ quản lý và lao động có trình độ cao. Muốn thu được lợi nhuận, họ cần phải vận

dụng nhiều biện pháp để quản lý kinh tế, thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật, hạ giá thành sản phẩm, làm cho sản xuất phù hợp với nhu cầu của thị trường, nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh tế. Qua cuộc cạnh tranh trên thị trường, những nhân tài quản lý kinh tế và lao động thành thạo xuất hiện ngày càng nhiều và đó là một dấu hiệu quan trọng của tiến bộ kinh tế.

Như vậy, phát triển kinh tế thị trường đối với nước ta là một tất yếu kinh tế, một nhiệm vụ kinh tế cấp bách để chuyển nền kinh tế lạc hậu thành nền kinh tế hiện đại, hội nhập vào sự phân công lao động quốc tế. Đó là con đường đúng đắn để phát triển lực lượng sản xuất, khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng của đất nước để thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường không đối lập với các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà trái lại thúc đẩy các nhiệm vụ đó phát triển mạnh mẽ hơn.

Thực tiễn những năm đổi mới chỉ ra rằng, việc chuyển sang mô hình kinh tế thị trường của Đảng ta là hoàn toàn đúng đắn. Nhờ mô hình kinh tế đó, chúng ta đã bước đầu khai thác được tiềm năng trong nước đi đôi với thu hút vốn và kỹ thuật nước ngoài, giải phóng được năng lực sản xuất trong xã hội, phát triển lực lượng sản xuất, góp phần quyết định bảo đảm nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm cao. Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội được tăng cường. Đời sống của nhân dân được cải thiện, nâng cao tích lũy xã hội, tạo tiền đề cho sự phát triển trong tương lai.

2. Đặc điểm kinh tế thị trường trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam

a) Nền kinh tế thị trường đang hình thành và phát triển

Thứ nhất, trong thời gian qua, kết cấu hạ tầng được đầu tư với mức độ ngày càng tăng. Tuy nhiên, kết cấu hạ tầng vật chất và xã hội ở nước ta còn ở trình độ thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Trình độ công nghệ lạc hậu, máy móc cũ kỹ, quy mô sản xuất nhỏ bé, năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất còn thấp.

Thứ hai, cơ cấu kinh tế đang tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tuy nhiên, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, còn mất cân đối và kém hiệu quả. Cơ cấu kinh tế nước ta còn mang nặng đặc trưng của một cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Ngành nghề chưa phát triển; sự phân công hiệp tác, chuyên môn hóa sản xuất chưa rộng, chưa sâu, giao lưu hàng hóa còn nhiều hạn chế.

Thứ ba, chưa có thị trường theo đúng nghĩa của nó. Trong những năm qua thị trường của nước ta đang trong quá trình hình thành và phát triển nên nó còn ở trình độ thấp. Dung lượng thị trường nhỏ hẹp, cơ cấu và các yếu tố kinh tế thị trường hình thành chưa đầy đủ. Chưa có thị trường sức lao động theo đúng nghĩa, thị trường tài chính, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ

còn sơ khai, phát triển chậm.

Thứ tư, công cuộc đổi mới ở nước ta trong 20 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Một trong những thành tựu quan trọng nhất là kinh tế tăng trưởng khá nhanh, GDP bình quân đầu người liên tục tăng. Song, thực tế cho thấy thu nhập quốc dân và thu nhập bình quân đầu người còn thấp, do đó sức mua hàng hóa còn thấp, tỷ suất hàng hóa chưa cao.

Thứ năm, còn chịu ảnh hưởng lớn của mô hình kinh tế chỉ huy với cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp.

b) Nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo

Các thành phần kinh tế tiến hành sản xuất hàng hóa tuy có bản chất kinh tế khác nhau, nhưng chúng đều là những bộ phận của một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất với các quan hệ cung - cầu, tiền tệ, giá cả chung... Bởi vậy, chúng vừa hợp tác, vừa cạnh tranh với nhau. Mỗi đơn vị kinh tế là một chủ thể độc lập, tự chủ và tất cả đều bình đẳng trước pháp luật.

Tuy nhiên, mỗi thành phần kinh tế chịu sự tác động của các quy luật kinh tế riêng nên bên cạnh tính thống nhất của các thành phần kinh tế, chúng còn có sự khác nhau và mâu thuẫn khiến cho nền kinh tế thị trường ở nước ta có khả năng phát triển theo những phương hướng khác nhau. Chẳng hạn, các thành phần kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân) tuy có vai trò quan trọng trong phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, đáp ứng nhu cầu về vốn, hàng hóa và dịch vụ cho xã hội, nhưng vì dựa trên sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, các thành phần kinh tế này không tránh khỏi tính tự phát, chạy theo lợi nhuận đơn thuần, nảy sinh những hiện tượng tiêu cực làm tổn hại đến lợi ích chung của xã hội.

Vì vậy, cùng với sự khuyến khích làm giàu chính đáng của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, Nhà nước ta phải sử dụng nhiều biện pháp để ngăn chặn và hạn chế những khuynh hướng tự phát, những hiện tượng tiêu cực, hướng sự phát triển của các thành phần kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng, vấn đề có ý nghĩa quyết định nhất là Nhà nước phải quan tâm tạo điều kiện củng cố, phát huy hiệu quả, ra sức xây dựng khu vực kinh tế nhà nước đủ mạnh để làm tốt vai trò chủ đạo, tránh nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

c) Nền kinh tế thị trường phát triển theo cơ cấu kinh tế "mở"

Cơ cấu kinh tế "mở" bắt nguồn từ sự phân bố không đều về tài nguyên thiên nhiên và sự phát triển không đều về kinh tế, kỹ thuật giữa các nước, đáp ứng yêu cầu quy luật phân công và hợp tác lao động quốc tế. Vì vậy, trong thời đại ngày nay, mỗi quốc gia muốn phát triển toàn diện cần phải tích cực mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế.

Cơ cấu kinh tế "mở" thích ứng với chiến lược thị trường "hướng ngoại", làm cho thị trường trong nước thông thoáng và gắn liền với thị trường thế giới. Thông qua phát triển cơ cấu kinh tế "mở", cùng các hoạt động kinh tế đối ngoại sẽ giúp nước ta tiếp thu được kỹ thuật công nghệ, vốn và kinh nghiệm sản xuất kinh doanh của các nước tiên tiến để khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, kỹ thuật so với các nước phát triển.

d) Nền kinh tế thị trường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa với sự quản lý vĩ mô của nhà nước

Đây là đặc điểm cơ bản nhất của kinh tế thị trường ở nước ta, làm cho nền kinh tế thị trường ở nước ta khác với nền sản xuất hàng hóa giản đơn trước đây, cũng như khác với nền kinh tế thị trường ở các nước tư bản chủ nghĩa. Đặc điểm này cũng chính là mô hình kinh tế khái quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Mô hình kinh tế đó có những đặc trưng riêng, làm cho nó khác với kinh tế thị trường ở các nước tư bản chủ nghĩa.

3. Đặc trưng chủ yếu của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

- Mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất hiện đại gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp trên cả ba mặt: sở hữu, quản lý và phân phối nhằm thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Về sở hữu sẽ phát triển theo hướng còn tồn tại các hình thức sở hữu khác nhau, nhiều thành phần kinh tế khác nhau trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa là thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân và thực hiện công bằng xã hội nên phải từng bước xác lập và phát triển chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất chủ yếu một cách vững chắc, tránh nóng vội xây dựng ồ ạt mà không tính đến hiệu quả như trước đây.

- Về quản lý, trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải có sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, kế hoạch, chính sách đồng thời sử dụng cơ chế thị trường, các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, giải phóng sức sản xuất, phát huy tính tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực, khuyết tật của cơ chế thị trường, bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động của toàn thể nhân dân.

- Về phân phối, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện đa dạng hoá các hình thức phân phối. "Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn

lực khác và thông qua phúc lợi xã hội"¹. Cơ chế phân phối này vừa tạo động lực kích thích các chủ thể kinh tế nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời hạn chế những bất công trong xã hội. Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ, công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển.

- Tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường nước ta còn thể hiện ở chỗ tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hóa, giáo dục, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân, nâng cao dân trí, giáo dục và đào tạo con người, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực của đất nước.

Chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện trình độ tư duy, và vận dụng của Đảng ta về quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Đây là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. Những giải pháp chủ yếu để phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a) Thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần

Thừa nhận trên thực tế sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ là một trong những điều kiện cơ bản để thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển, nhờ đó mà sử dụng có hiệu quả sức mạnh tổng hợp của mọi thành phần kinh tế.

Cùng với việc đổi mới, củng cố kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, việc thừa nhận và khuyến khích các thành phần kinh tế cá thể, tư nhân phát triển là nhận thức quan trọng về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ. Tất cả các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật, tuy vị trí, quy mô, tỷ trọng, trình độ có khác nhau nhưng tất cả đều là nội lực của nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Mở rộng phân công lao động xã hội, tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường

Phân công lao động xã hội là cơ sở của việc trao đổi sản phẩm. Để đẩy mạnh phát triển kinh tế hàng hóa, cần phải mở rộng phân công lao động xã hội, phân bố lại lao động và dân cư trong phạm vi cả nước cũng như từng địa phương, từng vùng theo hướng chuyên môn hóa, hợp tác hoá nhằm khai thác mọi nguồn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 77-78.

lực, phát triển nhiều ngành nghề, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có và tạo việc làm cho người lao động. Cùng với mở rộng phân công lao động xã hội trong nước, phải tiếp tục mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài nhằm gắn phân công lao động trong nước với phân công lao động quốc tế, gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới. Nhờ đó mà thị trường trong nước từng bước được mở rộng, tiềm năng về lao động, tài nguyên, cơ sở vật chất hiện có được khai thác có hiệu quả.

Cần phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh: Phát triển thị trường hàng hoá và dịch vụ; phát triển vững chắc thị trường tài chính bao gồm thị trường vốn và thị trường tiền tệ theo hướng đồng bộ, có cơ cấu hoàn chỉnh; phát triển thị trường bất động sản bao gồm thị trường quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền với đất; phát triển thị trường sức lao động trong mọi khu vực kinh tế; phát triển thị trường khoa học và công nghệ... Điều này sẽ bảo đảm cho việc phân bổ và sử dụng các yếu tố đầu vào, đầu ra của quá trình sản xuất phù hợp với nhu cầu của sự phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

c) Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Trong kinh tế thị trường, các doanh nghiệp chỉ có thể đứng vững trong cạnh tranh nếu thường xuyên đổi mới công nghệ để hạ chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm. Muốn vậy, phải đẩy mạnh công tác nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu mới của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ vào quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa. So với thế giới, trình độ công nghệ sản xuất của Việt Nam còn thấp kém, không đồng bộ, do đó, khả năng cạnh tranh của hàng hóa nước ta so với hàng hóa nước ngoài trên cả thị trường nội địa và thế giới còn kém. Bởi vậy, để phát triển kinh tế hàng hóa, chúng ta phải đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hệ thống kết cấu hạ tầng cơ sở và dịch vụ hiện đại, đồng bộ cũng đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển kinh tế xã hội. Hệ thống đó ở nước ta đã quá lạc hậu, không đồng bộ, mất cân đối nghiêm trọng nên đã cản trở nhiều đến quyết tâm của các nhà đầu tư cả ở trong nước lẫn nước ngoài, cản trở phát triển kinh tế hàng hóa ở mọi miền đất nước. Vì thế, cần gấp rút xây dựng và củng cố các yếu tố của hệ thống kết cấu đó. Trước mắt, Nhà nước cần tập trung ưu tiên xây dựng, nâng cấp một số yếu tố thiết yếu nhất như đường sá, cầu cống, bến cảng, sân bay, điện, nước, hệ thống thông tin liên lạc, ngân hàng, dịch vụ bảo hiểm...

d) Giữ vững ổn định chính trị, hoàn thiện hệ thống luật pháp, đổi mới các chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả

Sự ổn định chính trị bao giờ cũng là nhân tố quan trọng để phát triển. Nó là

điều kiện để các nhà sản xuất kinh doanh trong nước và nước ngoài yên tâm đầu tư. Giữ vững ổn định chính trị ở nước ta hiện nay là giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nâng cao vai trò hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy đầy đủ vai trò làm chủ của nhân dân.

Hệ thống pháp luật đồng bộ là công cụ rất quan trọng để quản lý nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Nó tạo nên hành lang pháp lý cho tất cả mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Với hệ thống pháp luật đồng bộ và pháp chế nghiêm ngặt, các doanh nghiệp chỉ có thể làm giàu trên cơ sở tuân thủ luật pháp.

Đổi mới chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả nhằm mục tiêu thúc đẩy sản xuất phát triển; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, bảo đảm quản lý thống nhất nền tài chính quốc gia, giảm bội chi ngân sách, góp phần khống chế và kiểm soát lạm phát; xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng.

e) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống điều tiết kinh tế vĩ mô, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế và các nhà kinh doanh giỏi

Hệ thống điều tiết kinh tế vĩ mô phải được kiện toàn phù hợp với nhu cầu kinh tế thị trường, bao gồm: điều tiết bằng chiến lược và kế hoạch kinh tế, pháp luật, chính sách và các đòn bẩy kinh tế, hành chính, giáo dục, khuyến khích, hỗ trợ và cả bằng rắn đe, trừng phạt, ngăn ngừa, điều tiết thông qua bộ máy nhà nước...

Mỗi cơ chế quản lý kinh tế có đội ngũ cán bộ quản lý, kinh tế (ở tầm vĩ mô và vi mô) tương ứng. Chuyển sang phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi chúng ta phải đẩy mạnh sự nghiệp đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ kinh doanh cho phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế trong thời kỳ mới. Đội ngũ đó phải có năng lực chuyên môn giỏi, thích ứng mau lẹ với cơ chế thị trường, dám chịu trách nhiệm, chấp nhận rủi ro và trung thành với con đường xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đã chọn. Song song với đào tạo và đào tạo lại, cần phải có phương hướng sử dụng, bồi dưỡng, đãi ngộ đúng đắn với đội ngũ đó, nhằm kích thích hơn nữa việc không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ, bản lĩnh quản lý, tài năng kinh doanh của họ. Cơ cấu của đội ngũ cán bộ cần phải được chú ý bảo đảm cả ở phạm vi vĩ mô lẫn vi mô, cả cán bộ quản lý lẫn cán bộ kinh doanh.

h) Thực hiện chính sách đối ngoại có lợi cho phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Thực hiện có hiệu quả kinh tế đối ngoại, chúng ta phải đa dạng hoá hình thức, đa phương hoá đối tác; phải quán triệt nguyên tắc đôi bên cùng có lợi, không can thiệp vào nội bộ của nhau và không phân biệt chế độ chính trị - xã hội; cải cách cơ chế quản lý xuất nhập khẩu, thu hút mạnh vốn và đầu tư nước ngoài,

thu hút kỹ thuật, nhân tài và kinh nghiệm quản lý của các nước phát triển.

Những giải pháp nói trên tác động qua lại với nhau, sẽ tạo nên sức mạnh thúc đẩy nền kinh tế hàng hóa nước ta phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

II- Vai trò của nhà nước và các công cụ quản lý vĩ mô đối với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

1. Vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a) Nhà nước xã hội chủ nghĩa có vai trò kinh tế đặc biệt

Bất cứ nhà nước nào cũng có vai trò kinh tế nhất định đối với xã hội mà nó quản lý. Tuy thuộc vào bản chất của nhà nước và trình độ phát triển kinh tế của từng chế độ xã hội mà vai trò kinh tế của nhà nước có những biểu hiện thích hợp.

Các nhà nước trước chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, vai trò kinh tế chủ yếu thể hiện ở việc điều tiết bằng thuế và luật pháp. ở đây, theo cách nói của Ph.Ăngghen, nhà nước ở bên trên, bên ngoài quá trình sản xuất xã hội.

Đến chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, với sự xuất hiện khu vực sở hữu nhà nước, làm cho nhà nước tư sản bắt đầu có vai trò kinh tế mới. Ngoài việc điều tiết nền sản xuất xã hội thông qua thuế và luật pháp, nhà nước tư sản còn có vai trò tổ chức quản lý các xí nghiệp thuộc khu vực kinh tế của nhà nước.

Chỉ đến nhà nước xã hội chủ nghĩa - nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, mới có vai trò kinh tế đặc biệt. Vai trò kinh tế đó là tổ chức, quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân ở cả tầm kinh tế vĩ mô và vi mô, trong đó quản lý kinh tế vĩ mô là chủ yếu.

Sở dĩ nhà nước xã hội chủ nghĩa có vai trò kinh tế đặc biệt, mới mẻ so với các nhà nước trong lịch sử là bởi vì:

- Nhà nước xã hội chủ nghĩa là người đại diện cho nhân dân và toàn xã hội, có nhiệm vụ tổ chức, quản lý đất nước về mọi mặt hành chính, kinh tế, xã hội.

- Nhà nước xã hội chủ nghĩa là người đại diện cho sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất, có nhiệm vụ quản lý các xí nghiệp thuộc khu vực kinh tế nhà nước.

- Nền kinh tế hàng hoá vận hành theo cơ chế thị trường, bên cạnh những mặt tích cực là chủ yếu, còn có những hạn chế, khuyết tật như: khủng hoảng, thất nghiệp, lạm phát, cạnh tranh không lành mạnh, phân hoá giàu nghèo... cần có sự quản lý của nhà nước nhằm góp phần khắc phục những khuyết tật, phát huy mặt tích cực của kinh tế thị trường là một tất yếu khách quan.

b) Chức năng quản lý kinh tế của nhà nước

Một là, nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi và đảm bảo ổn định chính trị, xã hội cho sự phát triển kinh tế.

Trong nền kinh tế thị trường các chủ thể kinh tế của thị trường được tự chủ, nhưng quyền tự chủ được thể chế hoá thành pháp luật và mọi hành vi đều phải tuân theo pháp luật. Với hệ thống pháp luật đồng bộ, có hiệu lực cao và sự ổn định chính trị, xã hội là điều kiện cần thiết cho sự phát triển kinh tế.

Hai là, nhà nước tạo môi trường kinh tế vĩ mô ổn định cho phát triển kinh tế.

Nhà nước xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển; ban hành các chính sách; trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực để dẫn dắt nền kinh tế - xã hội phát triển theo mục tiêu xác định. Nhà nước thông qua những chính sách ưu đãi, những hình thức hỗ trợ, những đòn bẩy kinh tế để hướng các doanh nghiệp vào các ngành, các lĩnh vực mà nhà nước muốn ưu tiên phát triển. Nhà nước trực tiếp đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng sản xuất, kết cấu hạ tầng xã hội, tham gia phát triển và kinh doanh những dịch vụ công cộng quan trọng như bảo đảm an ninh, quốc phòng, tài chính, tín dụng... Nền kinh tế thị trường khó tránh khỏi những chấn động, khủng hoảng, lạm phát, thất nghiệp, do đó nhà nước phải sử dụng các chính sách tài chính, tiền tệ, thu nhập và giá cả, kinh tế đối ngoại... để ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể kinh tế yên tâm hoạt động, phát huy nội lực của nền kinh tế, đồng thời mở rộng hợp tác và phân công lao động quốc tế.

Ba là, nhà nước bảo đảm cho nền kinh tế hoạt động có hiệu quả và lành mạnh.

Nhà nước phải ban hành các quy định, thực hiện những biện pháp nhằm ngăn chặn những tác động từ bên ngoài có ảnh hưởng đến môi trường cạnh tranh lành mạnh. Chẳng hạn, sự xuất hiện của độc quyền sẽ làm cho nền kinh tế trì trệ, kém hiệu quả. Hoặc do chạy theo lợi nhuận tối đa các doanh nghiệp có thể làm ô nhiễm môi trường sống, khai thác cạn kiệt tài nguyên... ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế bền vững. Vì vậy, những quy định của nhà nước về điều kiện sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sẽ bảo đảm sự bình đẳng trong cạnh tranh, giá cả thị trường phản ánh đúng chi phí sản xuất, làm cho thị trường hoạt động có hiệu quả.

Bốn là, thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cơ chế thị trường có nhiều tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế năng động và hiệu quả, nhưng cũng có những hạn chế, khuyết tật như: phân hoá giàu nghèo, bất bình đẳng xã hội, tệ nạn xã hội... Vì vậy, nhà nước cần khắc phục những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, thực hiện công bằng xã hội, tạo động

lực xã hội cho sự phát triển kinh tế. Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý nền kinh tế thị trường là nhằm làm cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

2. Các công cụ quản lý vĩ mô nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

a) Hệ thống pháp luật

Nhà nước phải sử dụng hệ thống pháp luật làm công cụ điều tiết hoạt động của các tổ chức kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế nhằm làm cho nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy mặt tích cực và ngăn chặn mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, điều tiết các hoạt động kinh tế đối ngoại sao cho nền kinh tế không bị lệ thuộc vào nước ngoài.

Việc xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh đối với nước ta là một quá trình lâu dài. Vì thị trường luôn luôn biến động nên hệ thống pháp luật cũng phải được bổ sung hoàn chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tế. Hệ thống pháp luật bao trùm mọi mặt hoạt động kinh tế - xã hội, nhưng có thể khái quát lại trong năm lĩnh vực:

- + Xác định các chủ thể pháp lý, tạo cho họ các quyền (năng lực pháp lý) và hành động (khả năng kinh doanh) mang tính thống nhất.

- + Quy định các quyền về kinh tế (quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền chuyển nhượng, quyền thừa kế v.v.).

- + Về hợp đồng kinh tế, các nguyên tắc cơ bản của Luật hợp đồng dựa trên cơ sở thoả thuận, trên cơ sở tự nguyện của các bên, Luật hợp đồng quy định quyền hoạt động của các chủ thể pháp lý, tức là các hành vi pháp lý.

- + Về sự bảo đảm của nhà nước đối với các điều kiện chung của nền kinh tế có các Luật bảo hộ lao động, Luật môi trường, Luật về cácten, v.v.; các quy định về mặt xã hội có Luật bảo hiểm xã hội v.v..

- + Về luật kinh tế đối ngoại phù hợp với thông lệ quốc tế.

b) Kế hoạch và thị trường

Nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải sử dụng hai công cụ quản lý cơ bản là kế hoạch và thị trường. Việc sử dụng hai công cụ quản lý này không thể tách rời nhau mà là sự vận dụng quy luật phát triển có kế hoạch để điều tiết tác động của quy luật giá trị và vận dụng quy luật giá trị nhằm quản lý kinh tế phát triển theo kế hoạch.

Chuyển từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước không có nghĩa là từ bỏ kế hoạch hoá mà là

chuyển kế hoạch hoá thuần tuý pháp lệnh sang kế hoạch hoá định hướng là chủ yếu, sử dụng các đòn bẩy kinh tế và lực lượng vật chất trong tay Nhà nước để bảo đảm các tỷ lệ cân đối trong nền kinh tế quốc dân. Từ chỗ đối lập kế hoạch với thị trường, ngày nay chúng ta đã nhận thức rõ, cả kế hoạch lẫn thị trường đều là công cụ để quản lý nền kinh tế, trong đó thị trường là căn cứ, là đối tượng và là công cụ kế hoạch hoá.

Nhà nước điều tiết thị trường thông qua kế hoạch hoá vĩ mô - kế hoạch hoá gián tiếp bằng hệ thống chỉ tiêu cân đối, trên cơ sở vận dụng các công cụ và chính sách tác động vào cung cầu trên thị trường, hướng thị trường vận động và phát triển theo các chỉ tiêu cân đối định hướng. Còn thị trường dẫn dắt hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế căn cứ vào nhu cầu của thị trường để xây dựng kế hoạch hoá vi mô.

Kế hoạch nhà nước bao gồm kế hoạch dài hạn và ngắn hạn. Thông qua kế hoạch dài hạn, Nhà nước cụ thể hoá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, từ đó vạch ra các chương trình kinh tế có mục tiêu để định hướng đầu tư, điều tiết các hoạt động kinh tế và đề ra các chính sách kinh tế thích hợp (thuế, tín dụng, xuất - nhập khẩu, chuyển giao công nghệ...).

c) Xây dựng kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể hoạt động có hiệu quả

Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể cùng với kinh tế nhà nước trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, sự hoạt động có hiệu quả của hai thành phần kinh tế này có vai trò quyết định đối với các thành phần kinh tế khác theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các thành phần kinh tế này mở đường và hỗ trợ cho các thành phần kinh tế khác phát triển, thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh và bền vững của nền kinh tế. Nhờ có kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể mà Nhà nước có sức mạnh vật chất để điều tiết và hướng dẫn nền kinh tế thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội do kế hoạch vạch ra.

d) Tài chính

- Bản chất của tài chính:

Tài chính nước ta là hệ thống quan hệ kinh tế biểu hiện trong việc hình thành, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ trong nền kinh tế quốc dân nhằm xây dựng, bảo vệ và phát triển chế độ xã hội chủ nghĩa.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, bản chất của tài chính biểu hiện qua các nhóm quan hệ dưới đây:

- + Nhóm quan hệ tài chính giữa các doanh nghiệp, dân cư, các tổ chức xã hội với Nhà nước.

- + Nhóm quan hệ tài chính giữa các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, dân cư

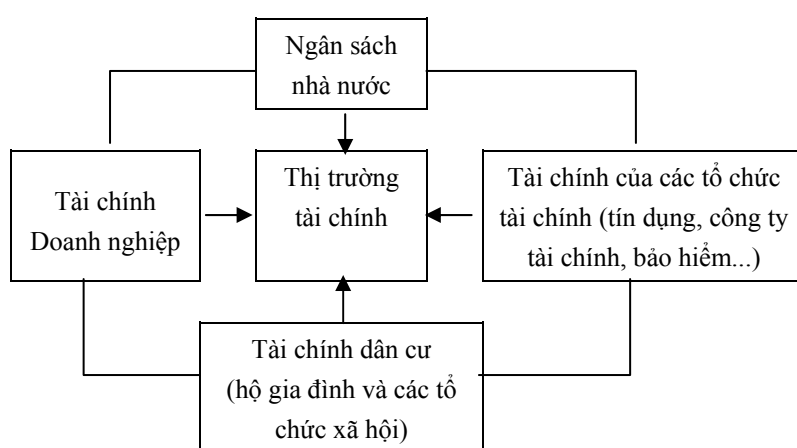
với hệ thống ngân hàng.

+ Nhóm quan hệ tài chính giữa các chủ thể kinh tế với nhau trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Nhóm quan hệ tài chính trong nội bộ mỗi chủ thể (doanh nghiệp, tổ chức xã hội, dân cư...).

- Hệ thống tài chính trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có thể hình thành hệ thống tài chính theo sơ đồ sau:



Các yếu tố hợp thành đó là các tụ điểm tài chính gắn với từng chủ thể nhất định và thực hiện quá trình "bơm", "hút" các nguồn tài chính dưới hình thức trực tiếp và gián tiếp thông qua thị trường tài chính.

- Chức năng của tài chính.

Tài chính có hai chức năng cơ bản là chức năng phân phối và giám đốc bằng đồng tiền:

Một là: Chức năng phân phối. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, của cải vật chất đều được quy thành tiền, thành giá trị và chúng được phân phối thông qua sự vận động tài chính. Vì vậy, tài chính có chức năng thông qua toàn bộ các mối quan hệ vận động dưới hình thái giá trị thực hiện quá trình tập trung và phân phối của cải vật chất xã hội theo những mục đích cụ thể.

Hai là: Chức năng giám đốc. Chức năng giám đốc của tài chính biểu hiện ở chỗ, tài chính có vai trò như người "giám sát", "đôn đốc" tình hình hoạt động kinh tế. Cơ sở của chức năng giám đốc là sự thống nhất giữa sự vận động của các quỹ tiền tệ với quá trình hoạt động kinh tế - xã hội. Thông qua chức năng này tài chính góp phần thúc đẩy các đơn vị kinh tế sử dụng vốn có hiệu quả, thực hiện đúng chế độ kế toán, chống tham ô, lãng phí và thực hành tiết kiệm.

Phân phối và giám đốc là các chức năng cơ bản của tài chính, là biểu hiện hai mặt gắn bó chặt chẽ với nhau, thông qua đó các chủ thể vận dụng để sử dụng tài chính như công cụ quan trọng phục vụ mục đích đề ra.

- Vai trò của tài chính trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tài chính có những vai trò (tác dụng) chủ yếu sau đây:

+ *Điều tiết kinh tế:* Để điều tiết kinh tế, Nhà nước phải kết hợp cả hai chức năng của tài chính: phân phối và giám đốc. Trên cơ sở kiểm tra, giám sát bằng đồng tiền, Nhà nước nắm được thực tế hoạt động của nền kinh tế, từ đó phát hiện ra những vấn đề cần can thiệp, điều tiết. Bằng các chính sách phân phối, Nhà nước điều tiết nền kinh tế theo kế hoạch đã định. Đồng thời Nhà nước cũng có thể thông qua việc nâng cao hoặc hạ thấp thuế suất để điều tiết hoạt động đầu tư kinh doanh giữa các ngành. Với tác dụng điều tiết kinh tế, tài chính là công cụ trọng yếu thúc đẩy nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ *Xác lập và tăng cường các quan hệ kinh tế - xã hội:* Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều được tự chủ quan hệ với nhau, đặc biệt trong việc vay mượn vốn kinh doanh. Nhưng sự tự do di chuyển các nguồn tài chính quan trọng này, đặc biệt giữa các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước, dẫn đến tình trạng nợ nần, dây dưa, làm đình trệ quá trình đầu tư, làm rối loạn sản xuất, lưu thông tài chính... Trước tình hình như vậy, Nhà nước có thể sử dụng luật pháp để điều chỉnh quan hệ tài chính, quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp, cũng có thể sử dụng các biện pháp cấp bách buộc các doanh nghiệp thanh toán nợ nần theo tiến độ thời gian nhất định. Để lãnh đạo và quản lý quan hệ tài chính, Nhà nước còn phải chủ động thúc đẩy sự ra đời và ngày càng hoàn thiện của thị trường vốn, thị trường tài chính, thị trường chứng khoán và hướng dẫn sự phát triển của chúng đúng hướng.

+ *Tập trung và tích lũy, cung ứng vốn cho các nhu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước:* Trong nền kinh tế luôn luôn diễn ra quá trình di chuyển nguồn tài chính từ lĩnh vực sản xuất sang lĩnh vực phi sản xuất, từ trong nước ra nước ngoài và ngược lại, từ lĩnh vực phi sản xuất sang lĩnh vực sản xuất. Nếu Nhà nước có chính sách tốt điều chỉnh các quan hệ tài chính nảy sinh trong các quá trình trên thì có thể thúc đẩy quá trình đầu tư phát triển, giảm bớt các chi phí không cần thiết, thu hút được đầu tư nước ngoài.

+ *Tăng cường tính hiệu quả cho sản xuất và kinh doanh:* Thông qua việc điều chỉnh các quan hệ thu - chi tài chính, phân phối thu nhập, thực hiện theo nguyên tắc khuyến khích vật chất, xử lý chính xác mối quan hệ về lợi ích vật chất giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động, tài chính có thể nâng cao tính

hiệu quả lao động sản xuất và kinh doanh; thông qua giám đốc tài chính mà duy trì kỷ luật tài chính, góp phần đẩy lùi lãng phí, tham ô...

+ *Hình thành quan hệ tích lũy, tiêu dùng hợp lý*: Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, việc phân phối thu nhập được thực hiện theo nhiều hình thức khác nhau, Nhà nước cần thường xuyên thực hiện việc phân phối lại và điều chỉnh sự phân phối theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ *Củng cố Nhà nước, liên minh công - nông, tăng cường an ninh quốc phòng*: Tài chính có tác dụng to lớn trên lĩnh vực này.

- Chính sách tài chính:

Chính sách tài chính là chính sách động viên, phân phối và sử dụng các nguồn tài chính được biểu hiện bằng hệ thống các quan điểm, chủ trương và biện pháp của Nhà nước phù hợp với đặc điểm tình hình đất nước và đường lối phát triển kinh tế - xã hội trong mỗi thời kỳ.

Chính sách tài chính ở nước ta hiện nay cần hướng vào những vấn đề chủ yếu sau đây:

+ Xây dựng đồng bộ thể chế tài chính phù hợp với kinh tế thị trường. Đổi mới chính sách quản lý tài chính để giải phóng và phân bổ hợp lý, có hiệu quả các nguồn lực; phát triển nền tài chính quốc gia vững mạnh. Bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của tài chính Việt Nam.

+ Hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế theo nguyên tắc công bằng, thống nhất và đồng bộ, khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh.

+ Đổi mới chính sách phân phối tài chính và cơ chế kết hợp nguồn lực nhà nước với các nguồn lực khác nhằm thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

+ Đổi mới cơ chế quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện các công việc được ngân sách cấp kinh phí.

+ Đổi mới căn bản chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước, kiên quyết xóa bỏ tình trạng bao cấp đối với sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước.

+ Chủ động mở rộng hoạt động tài chính đối ngoại và hội nhập quốc tế về tài chính; thực hiện đa dạng hoá nguồn vốn, đa phương hoá quan hệ đối tác, tăng dự trữ ngoại tệ của quốc gia.

+ Tạo điều kiện phát triển vững chắc thị trường tài chính; kiện toàn bộ máy quản lý tài chính.

e) Tín dụng

- Bản chất của quan hệ tín dụng trong thời kỳ quá độ

Tín dụng phản ánh quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu và các chủ thể sử dụng nguồn vốn nhân rồi trong nền kinh tế trên nguyên tắc hoàn trả có kỳ hạn cả vốn gốc lẫn lợi tức.

Quan hệ tín dụng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội phản ánh hệ thống lợi ích của nền kinh tế nhiều thành phần. Các quan hệ tín dụng này vừa hợp tác vừa cạnh tranh với nhau trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây cũng là lĩnh vực đấu tranh gay gắt, đòi hỏi quan hệ tín dụng nhà nước phải không ngừng lớn mạnh để đảm nhiệm vai trò chủ đạo trong quan hệ tín dụng toàn xã hội.

Quan hệ tín dụng tồn tại dưới các hình thức sau:

- *Tín dụng nhà nước*: Nhà nước phát hành công trái để vay của dân hoặc vay của nước ngoài.

- *Tín dụng thương mại* là việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ bằng cách cho chịu tiền với kỳ hạn nhất định và lợi tức nhất định.

Tín dụng thương mại không chỉ có trong quan hệ mua - bán lớn mà còn có ngay cả trong tiêu dùng, một hình thức dễ dẫn tới sự mua bán chịu, chiếm dụng vốn lẫn nhau. Bởi vậy, tín dụng thương mại là một hình thức cần được kiểm soát chặt chẽ trong kinh tế thị trường.

- *Tín dụng ngân hàng* là hình thức tín dụng giữa các chủ thể kinh tế có ngân hàng làm trung tâm. Dưới hình thức này, các quan hệ tín dụng được thực hiện thông qua hoạt động của ngân hàng. Theo đà phát triển của nền kinh tế, hình thức tín dụng ngân hàng ngày càng trở thành hình thức chủ yếu không chỉ ở trong nước mà còn trên trường quốc tế.

Tùy theo cách phân chia khác nhau, tín dụng ngân hàng có các loại khác nhau. Nếu phân chia theo thời gian thì có tín dụng ngắn hạn, tín dụng trung hạn (trên 1 năm và dưới 5 năm) và tín dụng dài hạn (trên 5 năm). Nếu phân chia theo đối tượng đầu tư của tín dụng thì có tín dụng vốn lưu động, tín dụng vốn cố định...

Ngoài các hình thức tín dụng chủ yếu nói trên, còn có một số hình thức tín dụng khác như: tín dụng nhà nước, tín dụng tập thể, tín dụng tiêu dùng, tín dụng học đường...

- Chức năng của tín dụng:

Đây là một bộ phận của hệ thống tài chính, quan hệ tín dụng cũng có chức năng phân phối và giám đốc.

Chức năng phân phối của tín dụng được thực hiện thông qua phân phối lại vốn. Phân phối của tín dụng dựa trên cơ sở tự nguyện theo nguyên tắc hoàn trả và

có hiệu quả. Nội dung của chức năng này biểu hiện ở cơ chế "hút" (hay huy động) các nguồn vốn tiền tệ nhàn rỗi, phân tán trong xã hội để "đẩy" (hay cho vay) nó vào hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng.

Chức năng giám đốc, kiểm soát các hoạt động kinh tế của tín dụng có liên quan đến đặc điểm quyền sở hữu tách rời quyền sử dụng vốn, đến mối quan hệ giữa người cho vay và người đi vay.

Người có vốn cho vay luôn quan tâm đến sự an toàn của vốn; không những thế, họ còn mong muốn vốn của họ khi sử dụng có khả năng sinh lợi để họ có thể thu thêm về khoản lợi tức. Muốn vậy, người cho vay phải am hiểu và kiểm soát hoạt động của người đi vay, từ khâu xem xét tư cách pháp nhân người vay, tình hình vốn liếng, mặt hàng sản xuất kinh doanh cả về chất lượng và số lượng, khả năng trả nợ nói riêng và tình hình tài chính nói chung, quan hệ với các chủ nợ khác, v.v..

- Vai trò của tín dụng:

Thực hiện tốt hai chức năng trên, tín dụng có vai trò sau đây:

- Góp phần giảm nhẹ số tiền nhàn rỗi, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, góp phần tăng vòng quay của vốn, tiết kiệm tiền mặt trong lưu thông và góp phần khắc phục lạm phát tiền tệ.

- Góp phần cung cấp khối lượng vốn cho các doanh nghiệp, từ đó tăng quy mô sản xuất kinh doanh, đổi mới thiết bị, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới, giúp các doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, tạo khả năng và khuyến khích đầu tư.

- + Góp phần thúc đẩy quá trình mở rộng mối quan hệ giao lưu tiền tệ giữa nước ta và các nước khác trên thế giới và trong khu vực.

g) Ngân hàng:

- *Ngân hàng hiểu theo nghĩa cổ điển là xí nghiệp kinh doanh tiền tệ thực hiện nghiệp vụ huy động vốn, cho vay vốn và thanh toán.*

ở nước ta, trong cơ chế cũ - tập trung quan liêu, bao cấp chỉ có một loại ngân hàng duy nhất là Ngân hàng Nhà nước có Chi nhánh ở các tỉnh, huyện, vừa thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, vừa trực tiếp kinh doanh tiền tệ.

Chuyển sang cơ chế mới - cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, hệ thống ngân hàng nước ta được tổ chức thành hai cấp hay hai phân hệ là: Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng thương mại.

- *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hay Ngân hàng Trung ương* giữ vai trò ổn định tiền tệ, đề xuất chính sách tiền tệ và tổ chức hệ thống tiền tệ của đất nước, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế quốc dân. Có thể nói: Ngân hàng Trung

ương là "Ngân hàng phát hành" hoặc "Ngân hàng của các ngân hàng". Ngân hàng Nhà nước có chức năng và nhiệm vụ sau:

- *Chức năng Ngân hàng Nhà nước:*

- + Phát hành tiền tệ, điều tiết lưu thông tiền tệ, tín dụng, thanh toán.
- + Là người đại diện về tài chính, tiền tệ của Nhà nước, quản lý tiền vốn của Nhà nước, cung cấp tín dụng của Nhà nước, nhận mua quốc trái.
- + Thông qua cho vay, huy động tiền gửi, tiến hành quản lý các ngân hàng và các cơ cấu tiền tệ khác, định ra chính sách tiền tệ, điều tiết giá cả và nhu cầu tiền tệ, hỗ trợ nền kinh tế tăng trưởng ổn định.

- *Nhiệm vụ của Ngân hàng Nhà nước:* Ngân hàng Nhà nước có hai nhiệm vụ cơ bản là:

- + Thực hiện vai trò là chủ ngân hàng (hay ngân hàng của ngân hàng) đối với các ngân hàng thương mại, bảo đảm cho hệ thống ngân hàng hoạt động bình thường.

- + Thực hiện vai trò là chủ của ngân hàng đối với Nhà nước, chịu trách nhiệm kiểm soát việc cung ứng tiền tệ và việc tài trợ cho thâm hụt ngân sách của Nhà nước.

- *Chức năng và nghiệp vụ của ngân hàng thương mại:*

Nếu như hoạt động của Ngân hàng Nhà nước gắn với chức năng quản lý vĩ mô thì hoạt động của các ngân hàng thương mại lại gắn với chức năng quản lý vi mô - chức năng kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Với tư cách là một doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ, các ngân hàng thương mại phải là những doanh nghiệp có các chức năng sau:

- + Có tư cách pháp nhân, tự chủ về tài chính, hoạt động theo nguyên tắc hạch toán kinh tế và dưới quyền quản trị của Hội đồng quản trị và điều hành của Giám đốc.

- + Chịu sự quản lý vĩ mô của Ngân hàng Nhà nước.

- + Có quan hệ với khách hàng theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm về vật chất và hành chính đối với tài sản, tiền vốn và cam kết giữ bí mật về số liệu và hoạt động, cũng như tạo sự tín nhiệm và thuận lợi cho khách hàng.

- + Có quan hệ với các tổ chức tín dụng khác theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện, cùng có lợi, vừa hợp tác vừa cạnh tranh với nhau trong khuôn khổ pháp luật, cùng thúc đẩy nhau phát triển.

Ngân hàng thương mại dù được thành lập dưới hình thức nào cũng đều hoạt động theo ba *nghiệp vụ* chính là huy động vốn, cho vay vốn và thanh toán.

+ *Nghịệp vụ huy động vốn* là nghiệp vụ đầu tiên của Ngân hàng thương mại nhằm tạo vốn để cho vay. Vốn huy động của ngân hàng bao gồm: vốn tiền tệ, vốn huy động, vốn tiếp nhận, vốn đi vay.

+ *Nghịệp vụ cho vay vốn* là nghiệp vụ mà thông qua đó, các nguồn vốn huy động được đem đi cho vay nhằm phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Tùy theo tiêu thức phân loại, có các hình thức cho vay khác nhau như cho vay ngắn hạn, dài hạn; cho vay sản xuất và chi phí sản xuất; cho vay đầu tư phát triển sản xuất; cho vay thanh toán và cho vay dự trữ...

+ *Nghịệp vụ thanh toán*: được thực hiện trên cơ sở sự uỷ nhiệm của khách hàng trong các khâu thanh toán, giữ hộ, đòi nợ... thông qua các hoạt động chuyển tiền, thanh toán chứng từ và phát hành chứng khoán.

Các nghiệp vụ huy động, cho vay và thanh toán có mối quan hệ khăng khít với nhau cấu thành nội dung hoạt động của ngân hàng thương mại, trong đó nghiệp vụ huy động vốn là tiền đề để phát triển nghiệp vụ cho vay. Đến lượt nó, việc cho vay càng mở rộng sẽ thúc đẩy nghiệp vụ huy động vốn ngày một tăng lên. Dưới hình thức "nợ" và "có", sẽ có tác dụng làm tăng nghiệp vụ trung gian - nghiệp vụ thanh toán hộ khách hàng - nhờ đó các khoản tiền phân tán được tập trung để bổ sung cho nghiệp vụ cho vay và huy động vốn, thúc đẩy hoạt động tín dụng phát triển nhanh chóng.

- Vai trò của hệ thống ngân hàng:

- Điều tiết kinh tế vĩ mô qua việc nắm tình hình kinh tế nói chung, phát hiện những mất cân đối trong nền kinh tế quốc dân để từ đó điều tiết quy mô tín dụng và lượng cung ứng tiền tệ.

- Điều tiết, lưu thông tiền tệ và phân phối tiền vốn bằng huy động vốn và cho vay.

- Giám đốc của ngân hàng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu thông qua việc cho vay vốn, mở rộng tín dụng ngân hàng.

- Quản lý ngoại hối (ra sức thu hút tiền gửi ngoại tệ, tập trung ngoại hối, giữ vững sự cân đối thu - chi ngoại hối, sử dụng tốt ngoại hối...).

Quá trình hoàn thiện và tổ chức hoạt động hợp lý của hệ thống ngân hàng đã góp phần làm cho lưu thông tiền tệ ở nước ta được thông suốt, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, giảm mức lạm phát, củng cố sức của của đồng tiền Việt Nam, mở rộng hội nhập với khu vực và thế giới.

Chính vì vậy ngân hàng là một trong những công cụ của nhà nước trong quản lý vĩ mô nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Chính sách tiền tệ và tín dụng

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm và quyền hạn trong hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chính sách tiền tệ là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô trọng yếu, vai trò của nó ngày càng tăng cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính sách tiền tệ phải khống chế được lượng tiền phát hành và tổng quy mô cho tín dụng. Trong chính sách tiền tệ, lãi suất là công cụ quan trọng, là phương tiện điều tiết cung, cầu tiền tệ. Việc thắt chặt hay nới lỏng cung ứng tiền tệ, kiểm chế lạm phát thông qua hoạt động của hệ thống ngân hàng sẽ có tác dụng trực tiếp đến nền kinh tế.

Trong giai đoạn hiện nay, mục tiêu của chính sách tiền tệ của Nhà nước Việt Nam là ổn định giá trị đồng tiền, kiểm soát lạm phát, góp phần tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an ninh hệ thống các ngân hàng và tổ chức tín dụng.

Nội dung cơ bản của chính sách tiền tệ và tín dụng ở nước ta trong giai đoạn hiện nay là: khẩn trương thực hiện đầy đủ các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về hoạt động ngân hàng; mở rộng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; thực hiện chính sách lãi suất thoả thuận và tiếp tục thực hiện chính sách tỷ giá hối đoái linh hoạt theo nguyên tắc thị trường; nâng cao trách nhiệm và quyền hạn của ngân hàng Nhà nước trong việc hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ; xây dựng hệ thống ngân hàng thương mại nhà nước lớn mạnh về mọi mặt; thực hiện mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng theo lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế; phát triển và tiếp tục đổi mới hoạt động của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân; hình thành môi trường pháp lý về tiền tệ, tín dụng, minh bạch và công khai; loại bỏ các hình thức bảo hộ, bao cấp, ưu đãi và phân biệt đối xử giữa các tổ chức tín dụng...

h) Các công cụ điều tiết kinh tế đối ngoại

Để thực hiện tốt chiến lược kinh tế mở, xúc tiến các quan hệ kinh tế đối ngoại, Nhà nước phải sử dụng nhiều công cụ, trong đó chủ yếu là: thuế xuất nhập khẩu hạn ngạch (quota), tỷ giá hối đoái, bảo đảm tín dụng xuất khẩu, trợ cấp xuất khẩu, v.v..

Thông qua những công cụ này, Nhà nước có thể khuyến khích việc xuất, nhập khẩu; đồng thời lại bảo hộ một cách hợp lý nền sản xuất nội địa, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam, thu hút vốn đầu tư của nước ngoài ngày càng nhiều, giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, lợi ích dân tộc theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu hỏi ôn tập

1. Thế nào là kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường? Phân tích sự cần thiết khách quan của phát triển kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường ở Việt Nam.
2. Phân tích đặc điểm kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam.
3. Phân tích các giải pháp chủ yếu để phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.
4. Phân tích vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.
5. Phân tích các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.